TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/DSST
Ngày 05/7/2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Rô Be**

Bà **Phan Thị Trúc Phương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLST-DS ngày 09/4/2019 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-DS ngày 28/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/ QĐXXST- DS ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Tạ Thị G**, sinh năm 1957 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Anh **Nguyễn Quốc S**, sinh năm 1984 (*vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị G trình bày:***

Trước đây bà G có đăng ký với công ty bán sữa dinh dưỡng lấy sữa về bán để hưởng huê hồng, bà G có giới thiệu với vợ chồng anh S chị H, sau đó vợ chồng chị H anh S đồng ý lấy sữa của bà G về bán, hai bên thỏa thuận giá mỗi hộp sữa là 1.300.000 đồng. Ngày 09/8/2017 chị H lấy 01 hộp sữa cho con uống và lấy 03 hộp sữa để bán lại.

Ngày 21/8/2017 chị H lấy thêm 06 hộp sữa, tổng cộng chị H lấy của bà G là 10 hộp sữa với tổng số tiền là 13.000.000 đồng, chị H hẹn khi nào bà G đi Phú Quốc về sẽ thanh toán tiền cho bà G, đến hẹn bà G có yêu cầu chị H anh S trả tiền nhưng chị H anh S cứ hẹn mà không trả. Đến ngày 05/9/2017 chị H có viết giấy cam kết trả nợ cho bà G, nhưng chị H không thực hiện, đến ngày 16/10/2017 và ngày 10/12/2017 chị H anh S tiếp tục viết cam kết hẹn trả nợ cho bà G, sau đó chị H anh S chỉ trả cho bà G được 1.000.000 đồng, bà G đã nhiều lần yêu cầu chị H anh S trả nợ nhưng chị H anh S vẫn không trả nợ cho bà G.

Nay bà G yêu cầu vợ chồng chị H anh S trả cho bà G số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/01/2018AL tức là ngày 07/3/2018DL cho đến nay.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Quốc S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H, anh S không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H anh Nguyễn Quốc S với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa chị H anh S vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng chị H anh S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Tạ Thị G và vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H anh Nguyễn Quốc S là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của bà G yêu cầu vợ chồng chị H anh S trả cho bà G số tiền còn thiếu 12.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà G đã cung cấp cho Tòa án tờ cam kết ngày 05/9/2017 với nội dung " *tôi Nguyễn Thị Thanh H có mua sữa của cô năm G 10 lon trị giá 13.000.000 đồng*"; tờ cam kết ngày 16/10/2017 với nội dung "*tôi Nguyễn Thị Thanh H có mua sữa của cô Tạ Thị G 10 hộp thành tiền 13.000.000 đồng xin hứa ngày 25/10/2017DL sẽ hoàn trả số tiền trên*" và tờ cam kết ngày 10/12/2017AL với nội dung " *tôi Nguyễn Quốc S có hứa với bà Tạ Thị G tới ngày 20/12AL sẽ trả cho bà G từ 3 đến 5 triệu số còn lại qua tết ngày*

20/01/2018 sẽ trả tiếp" trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà G xác nhận các tờ cam kết nói trên là do chị H anh S viết và ký tên, sau khi viết các tờ cam kết chị H anh S có trả cho bà G được số tiền là 1.000.000 đồng, hiện nay chị H anh S còn nợ của bà G số tiền là 12.000.000 đồng, nên bà G yêu cầu chị H anh S có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền còn nợ. Xét thấy nội dung yêu cầu của bà G là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà G về việc yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền còn thiếu là 12.000.000 đồng từ ngày 20/01/2018AL tức là ngày 07/3/2018DL cho đến nay.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 "*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*". Tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; nếu không có thỏa thuận về lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*" và tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015 quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*" và 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

Số tiền 12.000.000 đồng kể từ ngày 07/3/2018DL đến ngày 05/7/2019DL là 15 tháng 28 ngày nhưng bà G chỉ yêu cầu tính tròn 15 tháng: 12.000.000 đồng x 0,83% x 15 tháng = 1.494.000 đồng (*Một triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

[5] Về phía chị H anh S, trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập hợp lệ nhưng chị H anh S không tham dự và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do bà G cung cấp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 buộc chị H anh S có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền tổng cộng là 13.494.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 13.494.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

Án phí tính như sau: 13.494.000 đồng x 5% = 674.700 đồng, làm tròn thành 674.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

- Yêu cầu của bà G được chấp nhận nên bà G không phải chịu tiền án phí. Bà Tạ Thị G là người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng chị H anh S phải nộp 674.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 351, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị G.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H anh Nguyễn Quốc S trả cho bà Tạ Thị G số tiền là 13.494.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H anh Nguyễn Quốc S phải nộp 674.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thanh H anh Nguyễn Quốc S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện H;*
- *Chi cục THA huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái